

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2025/DS-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân 14 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q1

Địa chỉ: Tầng A và tầng 2, tòa nhà S A, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh nay là phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T – chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng ĐBSCL

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Trung T1, ông Phạm Hoàng G, ông Nguyễn Minh T2, ông Dương Chí K, ông Đặng Nhật D, ông Ngô Thanh V1, ông Trần T3, bà Nguyễn Ngọc N, ông Phan Văn Dũng E, bà Nguyễn Thảo T4, ông Trần Văn Q – Vắng mặt, ông Phan Tấn Đ – Có mặt.

Địa chỉ: Số A- 02 khu A, TTTM phức hợp Cần Thơ C, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ nay là phường H, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn B, sinh năm 1980; bà Võ Thị T5, sinh năm 1980. Có yêu cầu vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang nay là xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Chí K trình bày:

Ngày 27/7/2020, ông Trần Văn B và vợ là Võ Thị T5 có ký kết hợp đồng tín dụng số 1013804.20 với Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (viết tắt là Ngân hàng) để vay số tiền nợ gốc là 995.000.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay là mua xe ô tô, lãi suất 9,2%, ưu đãi 12 tháng đầu, điều chỉnh 03 tháng/lần + biên độ 3,9%/năm. Để đảm bảo khoản vay ông Trần Văn B và bà Võ Thị T5 có ký kết hợp đồng thế chấp số 2912829.20 ngày 27/7/2020 thế chấp 01 (một) ô tô nhãn hiệu Peugeot số loại 5008 P87, biển kiểm soát 95A – 060.58 do ông B đứng tên. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/7/2020 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/8/2020, ông Trần Văn B có ký kết đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản để mở thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 50.000.000 đồng tại Ngân hàng theo đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ.

Đến ngày 04/02/2025, ông Trần Văn B và bà Võ Thị T5 chỉ trả được 476.744.000 đồng nợ gốc và lãi là 365.848.861 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn B và bà Võ Thị T5 trả tổng số nợ tạm tính đến ngày 20/5/2025 là 598.041.875 đồng, nợ gốc 518.256.000 đồng, lãi trong hạn 67.880.154 đồng, lãi quá hạn là 11.905.720 đồng và tổng nợ thẻ tính đến ngày 20/5/2025 là 84.535.584, nợ gốc là 44.844.416 đồng, lãi, phí quá hạn 39.691.168 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/5/2025 theo hợp đồng đã ký kết đến khi ông B, bà T5 thanh toán hết nợ. Không yêu cầu phát mãi xe thế chấp.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn B trình bày: Ngày 27/7/2020, ông và vợ là Võ Thị T5 có vay của Ngân hàng số tiền nợ gốc là 995.000.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay là mua xe ô tô, lãi suất 9,2%, ưu đãi 12 tháng đầu, điều chỉnh 03 tháng/lần + biên độ 3,9%/năm. Khi vay có thể chấp 01 (một) ô tô nhãn hiệu Peugeot số hiệu 5008 P87, kiểm soát 95A – 060.58 do ông đứng tên. Do ông mắc nợ nhiều nơi nên chủ nợ đã lấy xe nêu trên.

Ngày 24/8/2020, ông B có mở thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng hạn mức 50.000.000 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông trả tổng số nợ tạm tính đến ngày 20/5/2025 là 598.041.875 đồng trong đó, nợ gốc 518.256.000 đồng, lãi trong hạn 67.880.154 đồng, lãi quá hạn là 11.905.721 đồng; Tổng nợ thẻ 84.535.584 đồng, trong đó nợ gốc của thẻ là 44.844.416 đồng và lãi quá hạn 39.691.168 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 21/5/2025 đến khi thanh toán dứt nợ, ông đồng ý trả nợ cho ngân hàng và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Võ Thị T5 trình bày: Bà T5 có ký hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 vay số tiền 995.000.000 đồng. Bà T5 chỉ ký tên cho hợp lệ hồ sơ với ngân hàng vì lúc đó bà và ông T5 còn là vợ chồng. Số tiền đó ông B dùng để mua xe ô tô và hiện giờ ông B đang sử dụng và quản lý xe. Nay bà không đồng ý trả số tiền vay cho Ngân hàng. Vì bà không sử dụng số tiền vay và bà có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Phan Tấn Đ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5 phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 23/9/2025, tổng cộng là 741.251.136 đồng (trong đó nợ gốc 563.100.416 đồng, nợ lãi trong hạn 80.540.896 đồng, lãi quá hạn 67.254.235 đồng và phí 30.355.589 đồng) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 24/9/2025 theo theo hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở thẻ và sử dụng tài khoản cho đến khi thanh toán hết nợ cho Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 -Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, Điều 39, Điều 147 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về việc buộc bà Võ Thị T5 có nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ thẻ tín dụng cùng ông B.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án : Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 có cho ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5 vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B, bà T5 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà T5 trả nợ nhưng ông B, bà T5 không có thiện chí trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Xét đây là vụ án dân sự, tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại xã T nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B, bà T5 là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay mua ô tô: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 yêu cầu ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5 phải có nghĩa vụ trả nợ vay tính đến ngày ngày 20/5/2025 là 682.577.459 đồng trong đó, nợ gốc 518.256.000 đồng, lãi trong hạn 67.880.154 đồng, lãi quá hạn là 11.905.721 đồng, nợ gốc của thẻ là 44.844.416 đồng và lãi quá hạn 39.691.168 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ hồ sơ tín dụng có chữ ký của ông B và bà T5, hợp đồng đảm bảo hình thức và nội dung. Các bị đơn đều thừa nhận có ký kết vay tiền của nguyên đơn. Bị đơn Trần Văn B đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, bị đơn Võ Thị T5 không đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng vì bà cho rằng bà không sử dụng số tiền vay nêu trên. Xét, thời điểm vay tiền năm 2020 giữa bà T5 và ông B còn là quan hệ vợ chồng, ông B mua xe ô tô sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt trong gia đình nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì bà T5 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông B đối với số nợ nêu trên. Do đó, yêu cầu về số tiền vay mua ô tô của ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với hợp đồng thế chấp xe ô tô: Ngày 27/7/2020, ông Trần Văn B và bà Võ Thị T5 có ký hợp đồng thế chấp số 2912829.20 ngày 27/7/2020 thế chấp 01 (một) ô tô nhãn hiệu Peugeot 5008 P87, biển kiểm soát 95A – 060.58 do ông B đứng tên. Hợp đồng đảm bảo về nội dung lẫn hình thức. Tuy nhiên, ông B thì cho rằng xe ô tô đã bị người khác lấy để trừ nợ nhưng không cấp được địa chỉ, bà T5 thì cho rằng ông B đang quản lý và sử dụng xe ô tô nêu trên. Hợp đồng thế chấp tuân thủ đúng quy định nên yêu cầu kê biên, phát mãi xe ô tô nêu trên để thu hồi nợ cho nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Đối với số tiền vay thẻ tín dụng quốc tế: Ngày 24/8/2020, ông Trần Văn B có ký kết đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản để mở thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 50.000.000 đồng tại

Ngân hàng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Hợp đồng nêu trên được ông B ký xác nhận, hợp đồng đảm bảo về hình thức và nội dung. Đối với hợp đồng này bà T5 không ký bên vay và người thừa kế. Do đó, hợp đồng này ông B phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Võ Thị T5 cùng trả nợ khoản vay này.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Trần Văn B và bà Võ Thị T5.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Trần Văn B và bà Võ Thị T5 phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận chấp nhận. Cụ thể: $643.859.255 \text{ đồng} = [(20.000.000 \text{ đồng} + (243.859.255 \text{ đồng} \times 4\%))] = 29.754.370 \text{ đồng}$.

Ông Trần Văn B còn phải chịu án phí đối với số tiền nợ thẻ tín dụng $97.391.881 \text{ đồng} \times 5\% = 4.869.594 \text{ đồng}$.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự, các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 đối với bị đơn ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5. Không

chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 về việc yêu cầu bà Võ Thị T5 cùng trả nợ thẻ tín dụng với ông Trần Văn B.

1.1 Buộc ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tổng số nợ tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 643.859.255 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi chín nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 518.256.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng), lãi trong hạn 80.540.896 đồng (Tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng, quá hạn 45.062.359 đồng (Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm năm mươi chín đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 1013804.20 ngày 27/7/2020, kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

1.2 Buộc ông Trần Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tổng số nợ tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 97.391.881 đồng (Chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 44.844.416 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm mười sáu đồng), lãi quá hạn 22.191.876 đồng (hai mươi hai triệu một trăm chín mươi một nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng và phí 30.355.589 đồng (Ba mươi triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) và tiếp tục trả lãi theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/8/2020, kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

1.3 Chấp nhận yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 về việc phát mãi tài sản thế chấp của ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5 là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Peugeot 5008 Allure, số loại 5008 P87, số khung RN2P75VA6LC116604, số máy 577551210UF205G02, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô số 95A – 060.58 do Công an tỉnh H cấp ông Trần Văn B đứng tên ngày 23/7/2020.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn B, bà Võ Thị T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.754.370 đồng và ông Trần Văn B còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.869.594 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 được nhận lại 14.911.180 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005461 ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV 14 – Cần Thơ;
- VKSND KV 14 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mỹ Á

